

Bản tin **THỊ TRƯỜNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN**

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số ra ngày 15/1/2018

TRONG SỐ NÀY:

	Trang
TÌNH HÌNH CHUNG	2
Thị trường thế giới	2
Thị trường trong nước.....	2
Thị trường cao su	3
1. Thị trường thế giới.....	3
2. Thị trường cao su trong nước.....	5
3. Tình hình xuất khẩu cao su của Việt Nam.....	5
4. Dung lượng thị trường và thị phần cao su Việt Nam tại Trung Quốc.....	6
Thị trường cà phê	8
1. Thị trường cà phê thế giới.....	8
2. Thị trường trong nước:	8
3. Tình hình xuất khẩu cà phê	9
Thị trường hạt điều	11
1. Thị trường hạt điều thế giới.....	11
2. Thị trường trong nước.....	12
3. Tình hình xuất khẩu hạt điều năm 2017.....	12
4. Dung lượng thị trường và thị phần hạt điều Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Hoa Kỳ và Trung Quốc.....	15
Thị trường rau hoa quả	16
1. Thị trường thế giới	16
2. Thị trường trong nước.....	17
3. Tình hình xuất khẩu rau hoa quả.....	17
4. Dung lượng thị trường và thị phần rau hoa quả Việt Nam tại Hoa Kỳ.....	19
Thị trường thủy sản	20
1. Thông tin thủy sản thế giới.....	20
2. Thị trường trong nước.....	21
3. Tình hình xuất khẩu thủy sản.....	22
Thị trường gỗ và sản phẩm gỗ	24
1. Thị trường gỗ thế giới.....	24
2. Tình hình xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ.....	24
3. Dung lượng thị trường và thị phần đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Ấn Độ.....	25
THƯƠNG MẠI NÔNG, LÂM SẢN, THỦY SẢN TẠI CỬA KHẨU MÓNG CÁI	27
THÔNG TIN CHUYÊN ĐỀ	28
Những thay đổi về điều kiện nhập khẩu đối với mặt hàng dừa tươi và cơm dừa vào thị trường Úc.....	28
Trung Quốc thay đổi chính sách thuế năm 2018 đối với hàng hóa nông sản.....	28



Thị trường thế giới

- Cao su: Nửa đầu tháng 01/2018, giá cao su thiên nhiên thế giới giảm nhẹ. Tính đến cuối tháng 12/2017, tồn kho cao su của Trung Quốc tăng 16,2 nghìn tấn so với giữa tháng 12/2017, đạt 235,6 nghìn tấn.

- Cà phê: Giá cà phê Robusta và Arabica toàn cầu biến động mạnh trước những thông tin dự báo về cung – cầu thế giới.

- Hạt điều: Giá hạt điều thế giới biến động trong biên độ hẹp do nhu cầu tiêu thụ tại Tan-da-ni-a chậm, trong khi nguồn cung khan hiếm.

- Rau hoa quả: Đầu năm 2018, giá rau quả tại Trung Quốc tăng mạnh do thời tiết khắc nghiệt.

- Thủy sản: Dự kiến giá tôm Ấc-hen-ti-na tiếp tục tăng trong tháng 1/2018 do nhu cầu tiêu dùng của châu Âu tăng. Rabobank dự báo xu hướng tăng trưởng nguồn cung tôm toàn cầu sẽ tiếp tục diễn ra trong năm 2018.

- Gỗ và sản phẩm gỗ: Giá gỗ nguyên liệu tại Hoa Kỳ và Trung Quốc tăng.

Thị trường trong nước

- Cao su: Nửa đầu tháng 01/2018, giá mủ cao su nguyên liệu tại Bình Phước, Bình Dương, Tây Ninh ổn định.

- Cà phê: Cùng chung xu hướng giá cà phê trên thị trường thế giới, giá cà phê trong nước tăng so với 2 tuần trước đó.

- Hạt điều: Giá hạt điều xuất khẩu đầu tháng 1/2018 ổn định.

- Rau hoa quả: Tháng 12/2017 giá nhiều loại trái cây trong nước giảm.

- Thủy sản: Nửa đầu tháng 1/2018, giá cá tra nguyên liệu trong nước tiếp tục tăng do nguồn cung khan hiếm, giá tôm nguyên liệu ổn định. EU vượt Mỹ trở thành thị trường xuất khẩu thủy sản lớn nhất của Việt Nam.

- Gỗ và sản phẩm: Năm 2017 xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang hầu hết các thị trường lớn đều tăng so với năm 2016.

- Tại Móng Cái: Xuất khẩu cao su thiên nhiên sang thị trường Trung Quốc trong giai đoạn đầu năm 2018 có tín hiệu khả quan. Xuất khẩu các sản phẩm thủy, hải sản sang Trung Quốc tăng nhẹ.

THỊ TRƯỜNG CAO SU

- Giá cao su trên thị trường thế giới giảm nhẹ.
- Giá mủ cao su trong nước ổn định so với nửa đầu tháng 12/2017.

1. Thị trường thế giới

Nửa đầu tháng 01/2018, giá cao su thiên nhiên thế giới giảm nhẹ, sau khi tăng trong nửa cuối tháng 12/2017.

+ Tại Nhật Bản, giá cao su RSS 3 giao kỳ hạn tháng 02/2018 trên sàn giao dịch Tocom giao dịch ở mức 206,9 Yên/kg (ngày 12/01/2018), giảm nhẹ 0,1% so với ngày 03/01/2018 và giảm mạnh 20,5% so với cùng kỳ năm 2017.

+ Giá cao su thiên nhiên trên sàn giao dịch Thượng Hải – Trung Quốc giảm xuống mức 14.040 NDT/tấn (ngày 12/01/2018), giảm 0,2% so với đầu tháng 01/2018 và giảm tới 22% so với đầu năm 2017.

+ Tại Thái Lan giá cao su RSS 3 giao kỳ hạn tháng 02/2018 chào bán ở mức 1,66 USD/kg (ngày 12/01/2018), tăng 1,2% so với đầu tháng 01/2018, nhưng giảm 34% so với cùng kỳ năm 2017.

Giá cao su giảm nhẹ do tồn kho cao su của Trung Quốc tăng. Tính đến cuối tháng 12/2017, tồn kho cao su của Trung Quốc tăng 16,2 nghìn tấn so với giữa tháng 12/2017, đạt 235,6 nghìn tấn.

Lượng cao su tồn kho tại kho ngoại quan Thanh Đảo, Trung Quốc tính đến ngày 30/12/2017

Đơn vị tính: Tấn

	Cao su thiên nhiên	Cao su hỗn hợp	Cao su tổng hợp	Tổng
Tồn kho đến ngày 15/12/2017	123.500	3.900	92.000	219.400
Tồn kho đến ngày 30/12/2017	130.800	3.900	100.900	235.600
Thay đổi (tấn)	7.300	0	8.900	16.200
Tỷ lệ thay đổi (%)	+5,9	0,0	+9,7	+7,4

Nguồn: sci99.com

Xuất khẩu cao su của Thái Lan và Căm-pu-chia tăng:

Thái Lan: 11 tháng năm 2017, xuất khẩu cao su của Thái Lan đạt 505,15 tỷ Baht (tương đương 15,8 tỷ USD), tăng 30,8% so với cùng kỳ năm 2016. Trong đó, Trung Quốc, Hoa Kỳ và Ma-lai-xi-a là 3 thị trường xuất khẩu cao su chính của Thái Lan. 11 tháng năm 2017, xuất khẩu cao su của Thái Lan sang Trung Quốc đạt 179,57 tỷ Baht, tăng 56,9% so với cùng kỳ năm 2016, chiếm 35,5% thị phần nhập khẩu cao su của Trung Quốc, tăng so với mức 29,6% của 11 tháng năm 2016.

Năm 2018, xuất khẩu cao su tự nhiên của Thái Lan dự báo giảm 5,2% xuống còn 3,6 triệu tấn, giảm so với mức 3,8 triệu tấn trong năm 2017.

THỊ TRƯỜNG CAO SU

Thị trường xuất khẩu cao su và các sản phẩm cao su chính của Thái Lan 11 tháng năm 2017

(1 Baht Thái = 0,03128USD)

Thị trường	11T/2016 (Nghìn Baht)	11T/2017 (Nghìn Baht)	11T/2017 (Nghìn USD)	So với 11T/2016 (%)	Thị phần 11 tháng (%)	
					Năm 2016	Năm 2017
Tổng	386.109.436	505.156.400	15.801.292	30,8	100	100
Trung Quốc	114.479.312	179.575.231	5.617.113	56,9	29,6	35,5
Hoa Kỳ	71.999.655	88.963.307	2.782.772	23,6	18,6	17,6
Ma-lai-xi-a	28.122.943	35.560.273	1.112.325	26,4	7,3	7,0
Nhật Bản	23.874.231	29.639.917	927.137	24,2	6,2	5,9
Việt Nam	8.468.830	11.279.036	352.808	33,2	2,2	2,2
Hàn Quốc	8.890.219	10.250.134	320.624	15,3	2,3	2,0
Đức	9.404.134	9.791.535	306.279	4,1	2,4	1,9
Ấn Độ	8.919.030	9.560.531	299.053	7,2	2,3	1,9
Úc	7.488.291	7.781.470	243.404	3,9	1,9	1,5
Bra-xin	5.154.186	7.180.458	224.605	39,3	1,3	1,4

Nguồn: *en.customs.go.th* (So sánh và tỷ trọng tính theo Baht)

Ma-lai-xi-a: Theo Vụ Thống kê Ma-lai-xi-a, sản lượng cao su tự nhiên của nước này trong tháng 11/2017 giảm 12,6% so với tháng 10/2017 xuống còn 58.733 tấn và giảm 11,4% so với cùng kỳ năm 2016.

Xuất khẩu cao su của Ma-lai-xi-a trong tháng 11/2017 tăng 0,9% so với tháng 10/2017, lên 47.589 tấn, nhưng giảm 12,9% so với cùng kỳ năm 2016. 5 thị trường xuất khẩu cao su chính của nước này là Trung Quốc (chiếm 56,7%), Đức (chiếm 11,6%), Hoa Kỳ (chiếm 3,5%), I-ran (chiếm 3,5%) và Thổ Nhĩ Kỳ (chiếm 3,3%).

Tiêu thụ cao su tại Ma-lai-xi-a trong tháng 11/2017 đạt 42.268 tấn, giảm 3,7% so với tháng 10/2017, nhưng tăng 2,6% so với năm 2016. Trong khi đó, tính đến cuối tháng 11/2017, kho dự trữ cao su của Ma-lai-xi-a đã tăng 4,9% so với tháng 10/2017 và tăng 17,4% so với cùng kỳ năm 2016 lên 216.413 tấn.

Căm-pu-chia: Xuất khẩu cao su tự nhiên của Căm-pu-chia trong năm 2017 tăng gần 37%, lên 190.000 tấn. Trong năm 2017, xuất khẩu cao su Căm-pu-chia tăng 50.000 tấn so với năm 2016, với các thị trường xuất khẩu lớn nhất là Việt Nam, Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po và Trung Quốc. Diện tích trồng cao su tại Căm-pu-chia cũng tăng liên tục, hiện đạt gần 7.000 ha trên toàn quốc.

Năm 2018, thị trường cao su thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn do

THỊ TRƯỜNG CAO SU

nhu cầu tiêu thụ cao su của Trung Quốc có thể chậm lại khi ngành công nghiệp ô tô nước này dường như đã đạt ngưỡng. Nhu cầu cao su tự nhiên thế giới trong năm 2018 dự báo tăng 2,3% lên 12,4 triệu tấn, trong khi nguồn cung cao su tự nhiên được dự báo đạt 12,5 triệu tấn, tăng 3% so với năm 2017.

Tuy nhiên, trong ngắn hạn giá cao su có thể phục hồi trong thời gian cây cao su vào mùa rụng lá, ảnh hưởng đến việc thu hoạch mủ ở nhiều nước.

2. Thị trường cao su trong nước

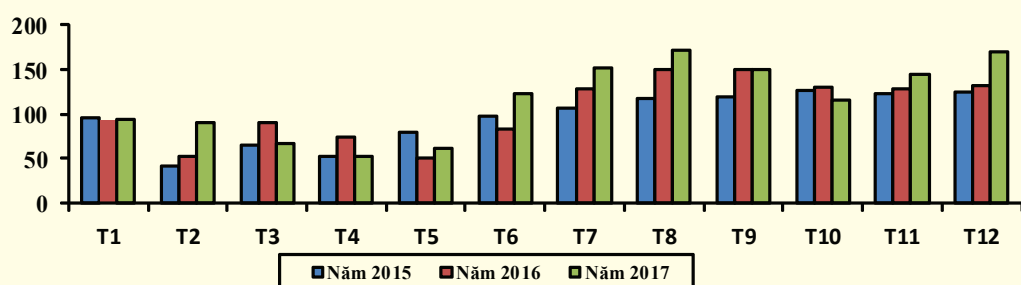
Nửa đầu tháng 01/2018, giá mủ cao su nguyên liệu tại Bình Phước, Bình Dương, Tây Ninh ổn định. Cụ thể ngày 12/01/2018, Công ty cao su Phú Riềng báo giá mua mủ cao su, cả mủ tạp và mủ nước giữ nguyên so với đầu tháng, đạt lần lượt 270 Đ/độ TSC và 275 Đ/độ TSC (trước đó ngày 03/01/2018 giá đạt 270 Đ/độ TSC và 275 Đ/độ TSC).

3. Tình hình xuất khẩu cao su của Việt Nam

Theo Tổng cục Hải quan, xuất khẩu cao su tháng 12/2017 tăng 16,5% về lượng và tăng 15% về trị giá so với tháng 11/2017, đạt 169,34 nghìn tấn, trị giá 244,76 triệu USD. Tính chung năm 2017, xuất khẩu cao su của Việt Nam đạt 1,38 triệu tấn, trị giá 2,24 tỷ USD, tăng 10,2% về lượng và tăng 34,7% về trị giá so với năm 2016.

Giá xuất khẩu cao su của Việt Nam tháng 12/2017 bình quân đạt 1.445 USD/tấn, giảm 1,3% so với tháng 11/2017 và giảm 14,6% so với cùng kỳ năm 2016. Giá cao su xuất khẩu bình quân năm 2017 tăng 22,2% so với năm 2016, đạt 1.629 USD/tấn. Trong đó, biến động giá một số chủng loại cao su xuất khẩu chính như sau: Giá xuất khẩu cao su tổng hợp trung bình đạt 1.661,2 USD/tấn, tăng 22,7%; giá cao su SVR 3L đạt 1.748,6 USD/tấn, tăng 26,4%; giá cao su SVR 10 đạt 1.592,9 USD/tấn, tăng 23,5%...

Xuất khẩu cao su của Việt Nam từ năm 2015 - 2017 (nghìn tấn)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

THỊ TRƯỜNG CAO SU

Trong năm 2017, Trung Quốc vẫn là thị trường xuất khẩu cao su lớn nhất của Việt Nam với khối lượng đạt 896,23 nghìn tấn, trị giá 1,44 tỷ USD, tăng 20,6% về lượng và tăng 45,4% về trị giá so với năm 2016. Đáng chú ý, Trung Quốc chiếm tới 64,3% tổng khối lượng cao su xuất khẩu của Việt Nam, tăng so với mức tỷ trọng 59,5% của năm 2016.

Ngoài ra, lượng cao su xuất khẩu sang một số thị trường khác cũng tăng khá như Hàn Quốc tăng 13,4%, Hà Lan tăng 27%, Ý tăng 28,9%, In-đô-nê-xi-a tăng 29,3%...

Ở chiều ngược lại, lượng cao su xuất khẩu sang thị trường Ấn Độ và Bra-xin giảm mạnh lần lượt 36,2% và 29,8% so với năm 2016.

Thị trường xuất khẩu cao su của Việt Nam trong năm 2017

Thị trường	Tháng 12/2017		So với tháng 12/2016 (%)		Năm 2017		So với năm 2016 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Tổng	169.343	244.766	28,7	9,9	1.380.257	2.248.567	10,2	34,7
Trung Quốc	113.178	162.578	36,7	11,7	896.235	1.445.451	20,6	45,4
Ma-lai-xi-a	10.124	14.045	18,7	2,0	77.757	118.976	-23,2	-7,7
Ấn Độ	8.700	12.867	173,5	168,5	55.475	90.595	-36,2	-22,3
Hàn Quốc	3.050	4.706	-16,4	-28,9	43.361	79.288	13,4	47,0
Đức	6.031	9.544	45,4	44,0	39.578	70.082	9,8	44,2
Hoa Kỳ	4.302	6.095	-20,7	-19,9	36.061	55.499	-0,1	22,2
Đài Loan	3.870	5.992	-2,1	-8,8	28.962	51.179	3,0	27,7
Thổ Nhĩ Kỳ	2.653	3.638	3,7	-14,5	25.088	41.128	14,7	43,9
Ý	1.206	1.774	39,4	49,3	15.798	25.996	28,9	73,7
In-đô-nê-xi-a	1.916	2.645	19,3	5,7	15.451	24.761	29,3	55,2
Hà Lan	1.404	1.884	-36,8	-44,7	14.713	23.738	27,0	48,1
Nhật Bản	1.212	2.037	23,8	11,8	11.895	23.120	7,6	35,3
Tây Ban Nha	1.318	1.889	-24,6	-33,4	12.973	21.789	-4,1	22,1
Bra-xin	297	399	-67,0	-70,0	9.779	14.986	-29,8	-5,0
Bi	1.064	1.226	151,5	110,8	9.236	12.677	45,6	84,6

Nguồn: Tổng cục Hải quan

4. Dung lượng thị trường và thị phần cao su Việt Nam tại Trung Quốc

Theo Trung tâm thông tin thống kê Hải quan Trung Quốc, 11 tháng năm 2017, nhập khẩu cao su của Trung Quốc đạt 17,09 tỷ USD, tăng 43,1% so với cùng kỳ năm 2016. Trong đó, Việt Nam đứng thứ 4 về cung cấp cao su cho Trung Quốc với kim ngạch tăng 54,2% so với cùng kỳ năm 2016. 11 tháng năm

THỊ TRƯỜNG CAO SU

2017, thị phần nhập khẩu cao su của Trung Quốc từ Việt Nam đã tăng lên mức 7,8% so với mức 7,3% của tháng 11 tháng năm 2016. Thị phần nhập khẩu cao su của Trung Quốc từ một số thị trường khác cũng tăng như: Thái Lan, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Đài Loan...

Thị trường cung cấp cao su và sản phẩm từ cao su chính cho Trung Quốc 11 tháng năm 2017

Thị trường	11T/2017		So với 11T/2016 (%)		Thị phần 11 tháng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Năm 2016	Năm 2017
Tổng	6.936.568.704	17.095.427.104	22,5	43,1	100	100
Thái Lan	2.734.672.604	5.172.139.452	17,8	57,6	27,5	30,3
Ma-lai-xi-a	862.528.540	1.729.374.347	28,6	67,7	8,6	10,1
Nhật Bản	253.724.202	1.419.540.980	-1,0	6,9	11,1	8,3
Việt Nam	772.635.718	1.339.363.419	18,9	54,2	7,3	7,8
In-đô-nê-xi-a	671.007.544	1.233.275.973	112,6	173,5	3,8	7,2
Mỹ	267.728.181	1.076.696.075	3,2	10,2	8,2	6,3
Đức	127.962.299	887.020.491	16,3	20,5	6,2	5,2
Hàn Quốc	330.496.732	878.713.169	1,1	9,5	6,7	5,1
Đài Loan	89.536.844	540.665.373	-0,9	85,5	2,4	3,2
Xin-ga-po	129.137.668	343.933.276	39,9	48,2	1,9	2,0

Nguồn: customs-info.com



THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ

- Nửa đầu tháng 1/2018, giá cà phê Robusta và Arabica toàn cầu biến động mạnh trước những thông tin dự báo về cung – cầu thế giới.
- Giá cà phê trong nước tăng so với 2 tuần trước đó.
- Xuất khẩu cà phê Việt Nam tháng 12/2017 tăng.

1. Thị trường cà phê thế giới

Nửa đầu tháng 1/2018, giá cà phê thế giới biến động mạnh trước những thông tin dự báo về cung – cầu thế giới. Tính đến ngày 12/1/2018, giá cà phê tăng nhẹ so với cuối tháng trước. Cụ thể:

+ Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 5/2018 tại NewYork tăng 0,5% so với 2 tuần trước, đạt 127,6 UScent/pound.

+ Giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 3/2018 trên sàn London tăng 0,7% so với 2 tuần trước, đạt 1.724 USD/tấn.

+ Tại Việt Nam, giá cà phê Robusta tăng 0,8% (13 USD) so với cuối tháng trước, lên 1.644 USD/tấn (FOB, TP.HCM).

Nhìn chung, những yếu tố tác động làm giảm giá cà phê vẫn còn nhiều như: (i) Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO) cũng như nhận xét của CommerzBank đều cho rằng nguồn cung cà phê sẽ khá hơn vào nửa cuối 2018; (ii) Việt Nam hiện đẩy mạnh thu hoạch vụ mùa; (iii) Tồn kho tại các thị trường tiêu thụ chính vẫn cao hơn mức cần thiết khoảng 3 – 4 triệu bao.

Báo cáo của ICO tháng 12/2017 đã điều chỉnh tăng nhẹ lượng cung toàn cầu. Theo đó, sản lượng cà phê thế giới sẽ tăng lên mức kỷ lục mới trong niên vụ 2017/18, do sự phục hồi trong sản lượng Robusta bù cho sự sụt giảm của Arabia. Theo ICO, xuất khẩu cà phê toàn cầu tháng 12/2017 giảm 9,2% so với cùng kỳ năm 2016, đạt 9,02 triệu bao. Lũy kế xuất khẩu cà phê toàn cầu 2 tháng đầu niên vụ 2017/18 giảm 11,3% so với cùng kỳ niên vụ trước, đạt 17,62 triệu bao. Tồn kho cà phê Arabica chứng nhận đạt chuẩn sàn ICE Futures US tại New York tăng 4.890 bao vào ngày 05/01/2018, đăng ký tồn kho 1.987.795 bao.

Trong ngắn hạn, giá cà phê khó có thể giảm sâu do lượng cà phê xuất khẩu của hai quốc gia sản xuất lớn nhất thế giới là Bra-xin và Việt Nam đã giảm liên tiếp trong mấy tháng qua.

2. Thị trường trong nước

Cùng chung xu hướng giá cà phê trên thị trường thế giới, giá cà phê trong nước tăng so với 2 tuần trước đó. Tại tỉnh Lâm Đồng, so với cuối tháng trước, giá cà phê tăng 1,6 – 2,8%, lên 36.100 – 38.800 VNĐ/kg.

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ

Giá cà phê tại một số tỉnh/huyện ngày 13/1/2018

(ĐVT: VNĐ/kg)

Tỉnh/huyện (khu vực khảo sát)	Ngày 13/01/2018	Ngày 26/12/2017	Ngày 13/1/2018 so với ngày 26/12/2017	
			VNĐ/kg	%
Tỉnh Lâm Đồng				
Bảo Lộc (Robusta)	36.100	35.200	900	2,6
Di Linh (Robusta)	36.200	35.600	600	1,7
Lâm Hà (Robusta)	36.100	35.100	1.000	2,8
Tỉnh Đắk Lắk				
Cư M'gar (Robusta)	36.700	36.000	700	1,9
Ea H'leo (Robusta)	36.600	35.800	800	2,2
Buôn Hồ (Robusta)	36.700	36.300	400	1,1
Tỉnh Gia Lai				
Ia Grai (Robusta)	36.800	36.000	800	2,2
Tỉnh Đắk Nông				
Gia Nghĩa (Robusta)	36.700	35.700	1.000	2,8
Tỉnh Kon Tum				
Đắk Hà (Robusta)	36.600	36.000	600	1,7
TP. Hồ Chí Minh				
Robusta 1	38.300	37.700	600	1,6

Nguồn: Tintaynguyen.com

3. Tình hình xuất khẩu cà phê

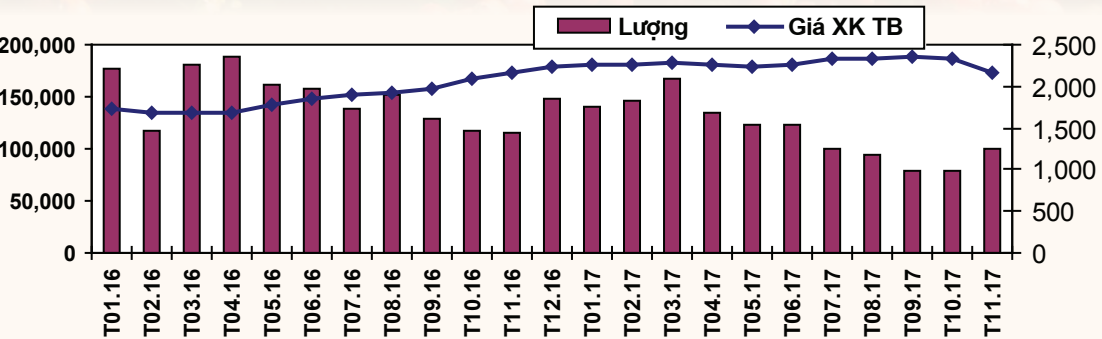
Theo Tổng cục Hải quan, lượng cà phê xuất khẩu tháng 12/2017 đạt 158,4 nghìn tấn, trị giá 318,4 triệu USD, tăng 57,6% về lượng và tăng 46,9% về trị giá so với tháng trước; tăng 7,2% về lượng nhưng giảm 3,1% về trị giá so với tháng 12/2016. Tính chung năm 2017, lượng cà phê xuất khẩu đạt 1,4 triệu tấn, trị giá 3,2 tỷ USD, giảm 19% về lượng và giảm 2,7% về trị giá so với năm 2016.

Về diễn biến giá xuất khẩu: Tháng 12/2017, giá xuất khẩu bình quân mặt hàng cà phê đạt 2.101 USD/tấn, giảm 2,6% so với tháng trước và giảm 5,5% so với tháng 12/2016. Tính chung năm 2017, giá xuất khẩu bình quân mặt hàng cà phê đạt 2.249 USD/tấn, tăng 20,1% so với năm 2016.

Như vậy, năm 2017, xuất khẩu cà phê giảm mạnh do nguồn cung trong nước giảm khi bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, nhờ giá cà phê toàn cầu tăng cao, nên kim ngạch xuất khẩu cà phê chỉ giảm 2,7% so với năm 2016.

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ

Lượng và giá xuất khẩu trung bình mặt hàng cà phê qua các tháng năm 2016-2017(ĐVT: Lượng: tấn; Giá XKTB: USD/tấn)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Năm 2017, xuất khẩu cà phê sang các thị trường lớn đều giảm mạnh so với năm 2016 do nguồn cung trong nước giảm, trừ lượng xuất khẩu sang Hàn Quốc tăng 9,2%. Tuy nhiên, trong những tháng gần đây, khi mùa thu hoạch cà phê bắt đầu, xuất khẩu cà phê sang một số thị trường đã tăng trở lại như xuất khẩu sang EU, Nga, An-giê-ri và Phi-lip-pin.

Thị trường xuất khẩu cà phê tháng 12 và năm 2017

Thị trường	Tháng 12/2017		So với tháng 12/2016 (%)		Năm 2017		So với năm 2016 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
EU	70.048	135.330	6,6	-3,3	628.960	1.365.389	-16,8	-0,9
Mỹ	17.919	34.715	-26,5	-37,0	182.713	406.544	-22,9	-9,5
Nhật Bản	6.556	13.479	-24,1	-30,6	89.725	209.768	-14,1	3,4
Nga	6.114	12.595	38,3	18,9	45.816	116.731	-23,4	-1,5
An-giê-ri	6.069	11.820	33,7	22,8	53.418	114.988	-16,6	1,8
Phi-lip-pin	6.353	13.125	78,7	80,2	52.289	111.238	-11,4	0,1
Ấn Độ	3.620	6.292	-20,2	-34,5	42.766	85.397	-6,6	7,5
Trung Quốc	3.065	9.986	-0,3	13,3	28.027	84.836	-39,2	-20,2
Hàn Quốc	3.505	6.446	-8,9	-27,7	35.107	82.208	9,2	27,9
Mê-hi-cô	1.298	2.146	-30,2	-43,4	35.913	73.499	-31,1	-17,9

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Dự báo, xuất khẩu cà phê của Việt Nam năm 2018 sẽ tăng do sản lượng cà phê tăng và tiêu thụ cà phê thế giới niên vụ 2017/18 được dự báo tăng 1,3% so với niên vụ trước. Trong đó, tiêu thụ của một số thị trường được dự báo tăng so với niên vụ trước như: EU tăng 0,7%; Hoa Kỳ tăng 1,8%; Bra-xin tăng 0,8%; Nhật Bản tăng 1,1%... Sản lượng cà phê của Việt Nam dự báo sẽ tăng khoảng 7,1% so với niên vụ trước.

THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU

- Nửa đầu tháng 1/2018, giá hạt điều thế giới biến động trong biên độ hẹp.
- Năm 2017 năng suất điều trong nước giảm 30 – 80% do thời tiết bất lợi, sâu bọ hoành hành.
- Giá xuất khẩu hạt điều tăng.

1. Thị trường hạt điều thế giới

Tháng 1/2018, nguồn cung hạt điều khan hiếm do năng suất điều của Việt Nam và Căm-pu-chia giảm. Trong khi nhu cầu tiêu thụ tại Tan-da-ni-a chậm, giá hạt điều biến động trong biên độ hẹp.

Tại Ấn Độ, so với tháng 12/2017, giá hạt điều WW180 tăng 0,23%, lên mức 1.087,5 Rs/kg; giá hạt điều nhân vỡ 8 mảnh tăng 2,93%, lên mức 615 Rs/kg. Ngược lại, giá hạt điều WW240 giảm 0,55%, xuống còn 907,5 Rs/kg; giá hạt điều nhân vỡ 2 mảnh giảm 0,7%, xuống còn 707,5 Rs/kg; giá hạt điều nhân vỡ 4 mảnh giảm 0,72%, xuống còn 687,5 Rs/kg. Giá hạt điều WW320 giữ ổn định ở mức 815 Rs/kg.

Giá điều giao ngay tại Ấn Độ ngày 11/01/2018

Chủng loại	Cảng	11/1/2018	So với T12/2017(%)
		Giá (Rs/kg)	
Hạt điều - WW180	Delhi	1.087,5	0,23
Hạt điều - WW210	Delhi	980	0,00
Hạt điều - WW240	Delhi	907,5	-0,55
Hạt điều - WW320	Delhi	815	0,00
Điều nhân vỡ 2 mảnh	Delhi	707,5	-0,70
Điều nhân vỡ 4 mảnh	Delhi	687,5	-0,72
Điều nhân vỡ 8 mảnh	Delhi	615	2,93
Pistachio Hairati	Delhi	1.437,5	-2,54
Pistachio Irani	Delhi	1.150	0,0
Pistachio Peshawari	Delhi	1.580	0,0
Hạt điều - WW180	Jalandar	915	0,0
Hạt điều - WW210	Jalandar	875	0,0
Hạt điều - WW240	Jalandar	785	0,0
Hạt điều - WW320	Jalandar	825	0,0
Điều nhân vỡ 8 mảnh	Sangarur	645	0,0
Điều nhân vỡ 4 mảnh	Sangarur	725	0,0
Điều nhân vỡ 2 mảnh	Sangarur	775	0,0
Hạt điều - WW180	Sangarur	1.025	0,0
Hạt điều - WW210	Sangarur	965	0,0
Hạt điều - WW240	Sangarur	925	0,0
Hạt điều - WW320	Sangarur	895	0,0

Nguồn: cashewinfo

THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU

Tại Việt Nam, giá hạt điều WW320 và WW450 giao đầu tháng 1/2018 tại cảng thành phố Hồ Chí Minh ổn định ở mức 4,725 USD/lb và 4,525 USD/lb.

Dự báo giá hạt điều sẽ tăng trong thời gian tới do nhu cầu tiêu thụ tăng, nguồn cung hạn chế. Thị trường Việt Nam cần ít nhất 100.000 tấn/tháng để chế biến hạt điều nhân cung cấp cho các thị trường Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc và các thị trường châu Âu, châu Mỹ. Trong khi đó, nguồn cung mặt hàng sẽ chậm lại trong tháng 2/2018 do trùng với thời gian nghỉ Tết Nguyên đán.

2. Thị trường trong nước

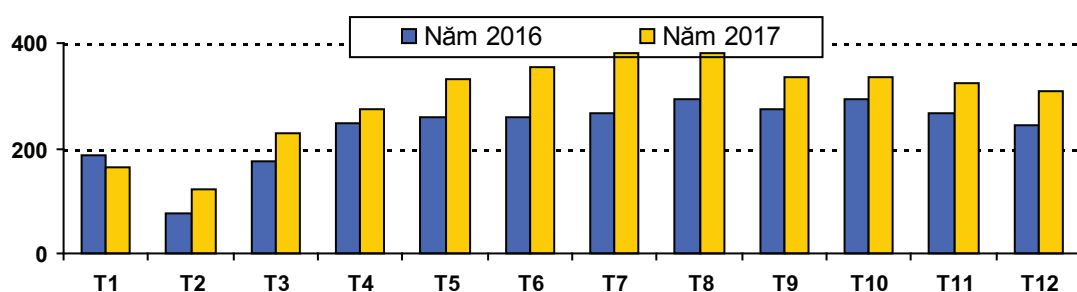
Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, giá điều năm 2017 tăng nhưng người nông dân vẫn bị thiệt hại nặng nề do mất mùa, năng suất giảm 30 – 80% do thời tiết bất lợi, sâu bọ hoành hành. Để bổ sung thêm khoảng 1 triệu tấn/năm, Hiệp hội Điều Việt Nam và Bộ Nông lâm ngư nghiệp Cầm-pu-chia đã ký thỏa thuận đầu tư 1,5 tỷ USD trồng điều với tổng diện tích 500.000 ha giai đoạn 2018- 2022 tại Cầm-pu-chia.

3. Tình hình xuất khẩu hạt điều năm 2017

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 12/2017 lượng hạt điều xuất khẩu đạt 30,4 nghìn tấn, trị giá 308,3 triệu USD, giảm 6,2% về lượng và giảm 5,3% về trị giá so với tháng trước; tăng 15,1% về lượng và tăng 27,1% về trị giá so với tháng 12/2016. Năm 2017, lượng hạt điều xuất khẩu đạt khoảng 353 nghìn tấn, trị giá 3,516 tỷ USD, tăng 1,9% về lượng và tăng 23,8% về trị giá so với năm 2016.

Kim ngạch xuất khẩu hạt điều qua các tháng từ năm 2016 đến nay

(ĐVT: Triệu USD)



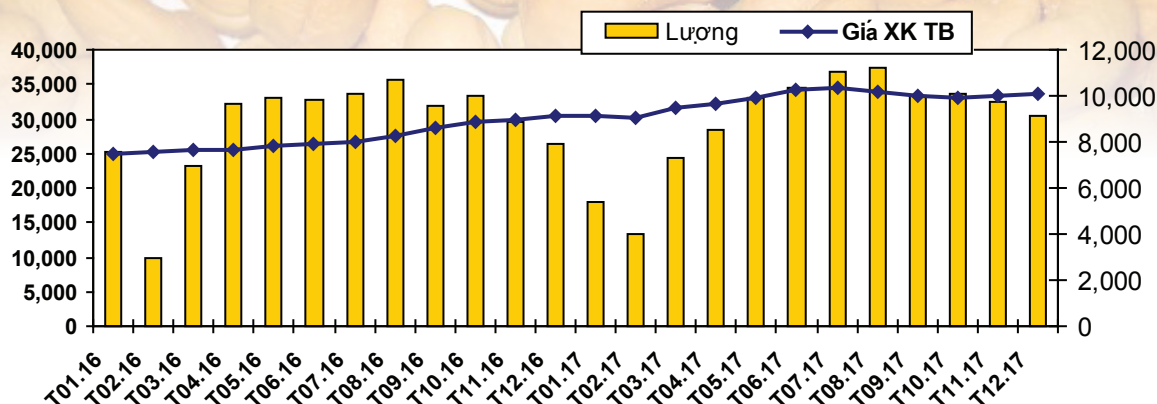
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về diễn biến giá xuất khẩu: Tháng 12/2017, giá xuất khẩu bình quân mặt hàng điều đạt mức 10.123 USD/tấn, tăng 1% so với tháng trước và tăng 10,4% so với tháng 12/2016. Năm 2017, giá xuất khẩu bình quân mặt hàng điều đạt mức 9.955 USD/tấn, tăng 21,5% so với năm 2016.

THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU

Lượng và giá xuất khẩu trung bình mặt hàng điều năm 2016-2017

(ĐVT: Lượng: tấn; Giá XKTB: USD/tấn)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Năm 2017, giá xuất khẩu bình quân điều tới thị trường Hồng Kông đạt mức cao nhất 11.625 USD/tấn, tăng 20,3% so với năm 2016. Tính riêng tháng 12/2017, giá xuất khẩu bình quân hạt điều tới thị trường Hồng Kông đạt 11.906 USD/tấn, giảm 0,2% so với tháng 11/2017, nhưng tăng 9,3% so với tháng 12/2016.

Giá xuất khẩu hạt điều bình quân tới 10 thị trường đạt mức cao nhất năm 2017

(ĐVT: USD/tấn)

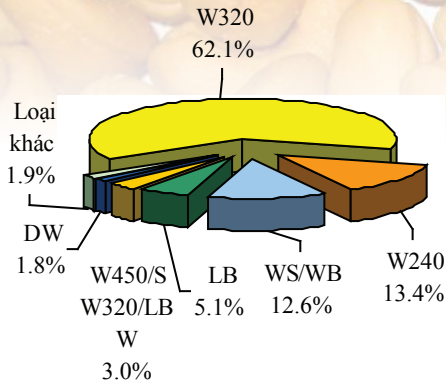
Thị trường	Giá XKTB năm 2017	So với năm 2016(%)	Giá XKTB T12/2017	So với T11/2017(%)	So với T12/2016(%)
Hồng Kông	11.625	20,3	11.906	-0,2	9,3
Pháp	11.035	28,0	11.124	-4,4	8,2
Ix-ra-en	10.766	24,8	9.510	-8,7	-4,5
Bỉ	10.688	25,2	10.268	-7,9	6,2
Đài Loan	10.637	19,7	10.415	-2,9	0,7
Tây Ban Nha	10.575	21,6	10.615	0,3	8,6
Pa-ki-xtan	10.480	23,8	10.411	-6,5	6,6
Hy Lạp	10.403	21,5	10.667	2,5	23,0
Ca-na-đa	10.347	20,9	10.556	-4,6	8,8
Na Uy	10.336	25,7	10.305	-1,2	12,7

Nguồn: Tổng cục Hải quan

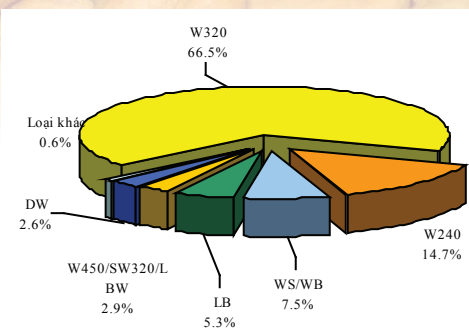
Tháng 12/2017, giá xuất khẩu bình quân hạt điều tới thị trường Pháp đạt 11.124 USD/tấn, giảm 4,4% so với tháng 11/2017, nhưng tăng 8,2% so với tháng 12/2016. Năm 2017, giá xuất khẩu bình quân hạt điều tới thị trường Pháp đạt 11.035 USD/tấn, tăng 28% so với năm 2016.

THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU

Cơ cấu chủng loại hạt điều năm 2017 (Tính theo lượng)



Cơ cấu chủng loại hạt điều năm 2016 (Tính theo lượng)



Nguồn: Tính toán sơ bộ từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Về thị trường: Năm 2017, xuất khẩu hạt điều tới thị trường Hoa Kỳ và Hà Lan tăng, xuất khẩu tới thị trường Trung Quốc giảm.

Xuất khẩu hạt điều tới thị trường Hoa Kỳ trong năm 2017 đạt 120,7 nghìn tấn, kim ngạch đạt 1,2 tỷ USD, tăng 2,8% về lượng và tăng 25,7% về kim ngạch so với năm 2016; Hà Lan đạt 52,7 nghìn tấn, kim ngạch đạt 541,8 triệu USD, tăng 13,7% về lượng và tăng 41,6% về kim ngạch.

Đáng chú ý, trong 10 thị trường nhập khẩu hạt điều lớn nhất năm 2017, lượng xuất khẩu sang các thị trường Ấn Độ, Nga, Thái Lan tăng mạnh 37,9%, 32,7%, 11,5%, đạt lần lượt 46 nghìn tấn, 55,2 nghìn tấn, 84,9 nghìn tấn.

10 thị trường xuất khẩu hạt điều lớn nhất tháng 12 và năm 2017

(ĐVT: Lượng: tấn; Trị giá: nghìn USD)

Thị trường	T12/2017		So với T12/2016(%)		Năm 2017		So với năm 2016(%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Tổng	30.454	308.295	15,1	27,1	353.268	3.516.805	1,9	23,8
Hoa Kỳ	9.417	96.559	4,5	14,4	120.761	1.219.398	2,8	25,7
Trung Quốc	5.725	56.822	48,5	63,6	48.064	469.380	-7,2	11,2
Hà Lan	3.731	42.187	-7,3	13,9	52.767	541.812	13,7	41,6
Úc	1.128	11.596	15,3	24,9	13.381	133.239	-9,0	10,3
Ca-na-đa	1.124	11.865	79,0	94,7	10.187	105.409	-2,4	18,0
Anh	832	8.041	30,0	48,5	15.642	149.472	5,0	25,8
Đức	819	8.185	-24,2	-14,8	10.564	109.023	-14,9	5,4
Ấn Độ	745	6.269	81,3	118,3	5.556	46.001	37,9	60,8
Nga	642	6.337	74,5	90,2	5.586	55.225	32,7	59,6
Thái Lan	493	5.065	-8,9	3,4	8.406	84.917	11,5	38,4

Nguồn: Tổng cục Hải quan

THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU

Dự báo tình hình xuất khẩu trong thời gian tới

Năm 2017, Việt Nam tiếp tục duy trì thị phần trên 50% tổng giá trị xuất khẩu nhân điều toàn cầu (khoảng 5,5 tỷ USD). Đây cũng là năm thứ 12 liên tiếp, ngành điều Việt Nam giữ vị trí số 1 thế giới về chế biến, xuất khẩu nhân điều.

Năm 2018, ngành điều kỳ vọng xuất khẩu điều sẽ thuận lợi do nhu cầu tiêu thụ thế giới dự báo sẽ tăng. Theo đánh giá của Hiệp hội Điều Việt Nam, nhu cầu tiêu thụ điều toàn cầu tăng khoảng 10%/năm, trong khi sản lượng tăng 5%/năm sẽ nâng đỡ giá điều ít nhất trong 6 tháng đầu năm nay.

Hiện nay, nhiều đơn hàng tiêu thụ hạt điều đã được ký cho đến giữa tháng 4/2018. Tại thị trường Hoa Kỳ, hạt điều được đánh giá là đồ ăn nhẹ lành mạnh, đang dần được chế biến để trở thành sản phẩm thay thế cho bơ và sữa. Tại Ấn Độ, thị trường tiêu dùng hạt điều lớn nhất, bộ phận tầng lớp trung lưu ngày càng tăng cũng ưa thích việc thêm hạt điều vào bánh và đồ ngọt phục vụ cho đám cưới và sinh nhật. Trong khi đó, ngành điều Việt Nam đang dần nâng cao chất lượng, có khả năng cạnh tranh cao trên thị trường.

4. Dung lượng thị trường và thị phần hạt điều Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Hoa Kỳ và Trung Quốc

- Hoa Kỳ: Theo số liệu thống kê từ Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ, trong 11 tháng năm 2017, nhập khẩu hạt điều vào thị trường Hoa Kỳ đạt 1,452 tỷ USD, tăng 33,6% so với 11 tháng năm 2016 và tăng 38,1% so với 11 tháng năm 2015.

Nguồn cung hạt điều vào thị trường Hoa Kỳ trong 11 tháng năm 2017

(ĐVT: nghìn USD)

Thị trường	11T/2017	So với 11T/2016(%)	So với 11T/2015(%)	Thị phần (%)		
				11T/2017	11T/2016	11T/2015
Tổng	1.452.778	33,6	38,1	100,0	100,0	100,0
Việt Nam	1.102.688	33,7	51,9	75,9	75,8	69,0
Ấn Độ	186.037	63,2	-8,2	12,8	10,5	19,3
Bra-xin	50.390	-17,6	27,5	3,5	5,6	3,8
In-đô-nê-xi-a	23.770	12,7	74,3	1,6	1,9	1,3
Mô-dam-bích	20.297	10,7	43,5	1,4	1,7	1,3
Bê-nanh	14.072	326,2	282,6	1,0	0,3	0,3
Thái Lan	13.515	36,3	-4,7	0,9	0,9	1,3
Bờ biển Ngà	11.876	-13,2	-48,0	0,8	1,3	2,2
Ni-giê-ri-a	8.624	217,9	991,6	0,6	0,2	0,1
Ga-na	6.719	-0,8	92,6	0,5	0,6	0,3

Nguồn: Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ

Việt Nam là nguồn cung mặt hàng hạt điều lớn nhất tại thị trường Hoa Kỳ, chiếm 75,9% thị phần trong 11 tháng năm 2017, tăng so với 75,8% thị phần trong 11 tháng năm 2016 và tăng mạnh so với 69% thị phần trong 11 tháng năm 2015.

THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ

- Nhập khẩu sầu riêng tươi của Trung Quốc tăng trung bình 26% mỗi năm trong thập kỷ qua
- Cơ hội lớn cho xuất khẩu rau hoa quả sang thị trường Hoa Kỳ.
- Giá rau hoa quả tại thị trường trong nước có xu hướng giảm trong tháng 12/2017 do cung vượt quá cầu.
- Năm 2017, xuất khẩu rau hoa quả tăng mạnh.

1. Thị trường thế giới

- Tại Trung Quốc:

+ *Rau hoa quả*: Theo Chính phủ Trung Quốc, giá rau quả tại các thành phố lớn thuộc miền trung và bắc Trung Quốc tăng mạnh sau khi thời tiết mùa đông khắc nghiệt làm chia cắt các đường cao tốc và gây thiệt hại nặng nề cho mùa màng. Trung Quốc đã cảnh báo đợt bão tuyết thứ hai sắp đổ bộ vào các khu vực phía bắc, trung và đông, sau khi tuyết rơi kỷ lục diễn ra tại nhiều khu vực trên cả nước.

+ *Mặt hàng sầu riêng*: Theo số liệu của Liên Hiệp quốc, nhập khẩu sầu riêng tươi của Trung Quốc tăng trung bình 26%/năm trong thập kỷ qua, đạt 1,1 tỷ USD vào năm 2016. Năm 2016, Trung Quốc nhập khẩu gần 600.000 tấn sầu riêng, với Thái Lan và Xin-ga-po là những nguồn cung chính. Hiện Trung Quốc là thị trường tiêu thụ sầu riêng lớn nhất thế giới. Giá sầu riêng trung bình tại Trung Quốc đã tăng gấp đôi trong 2 năm qua, lên mức trên dưới 300.000 đồng/múi. Sự ưa chuộng đối với trái sầu riêng tại Trung Quốc đang khuyến khích các nhà sản xuất thực phẩm thử nghiệm sử dụng loại trái cây này làm nguyên liệu cho hàng loạt các sản phẩm thực phẩm. Nhu cầu sầu riêng tại Trung Quốc không chỉ làm tăng giá sầu riêng tại Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po mà còn dẫn đến sự bùng nổ của hàng loạt sản phẩm thực phẩm có nguyên liệu sầu riêng tại Trung Quốc.

- *Tại Hoa Kỳ*: Theo Hiệp hội táo Hoa Kỳ, nước này nhập khẩu táo tươi, chủ yếu từ Nam bán cầu, để duy trì nguồn cung hàng bán lẻ đến cuối vụ, trước đợt thu hoạch mùa thu tại nước này. Khoảng 5% táo tươi tiêu thụ tại Hoa Kỳ được nhập khẩu. Các nguồn cung lớn nhất là Chi-lê, Ca-na-đa và Niu-Di-Lân. Trong khi đó, 25% sản lượng táo của nước này được xuất khẩu, với các thị trường hàng đầu là Mê-hi-cô, Ca-na-đa, Ấn Độ, Đài Loan, Ả-rập thống nhất, Hồng Kông và Việt Nam.

THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ

2. Thị trường trong nước

Tháng 12/2017, nhiều loại trái cây có biến động giá giảm. Trong đó, giá thanh long giảm mạnh do lượng thanh long cung ứng ra thị trường đang tăng mạnh dẫn đến tình trạng “cung vượt cầu”. Cụ thể, tại ĐBSCL, giá thanh long ruột đỏ loại 1 ở mức 35.000đ/kg, loại 2 ở mức 24.000-25.000đ/kg, giảm 6.000-7.000đ/kg so với tháng 11/2017. Tại Bình Thuận giá thanh long ruột trắng cũng giảm 6.000-8.000đ/kg.

Giá cam tại một số tỉnh phía Bắc như cam Cao Phong (Hòa Bình), cam Hàm Yên (Tuyên Quang), cam Văn Giang (Hưng Yên)... đều giảm. Nguyên nhân do nguồn cung đang vượt cầu vì người dân ồ ạt mở rộng diện tích trồng cam. Cam Cao Phong có giá bán lẻ trên thị trường khoảng 30.000 đ/kg, thấp hơn so với mức 40.000-50.000 đ/kg của năm ngoái.

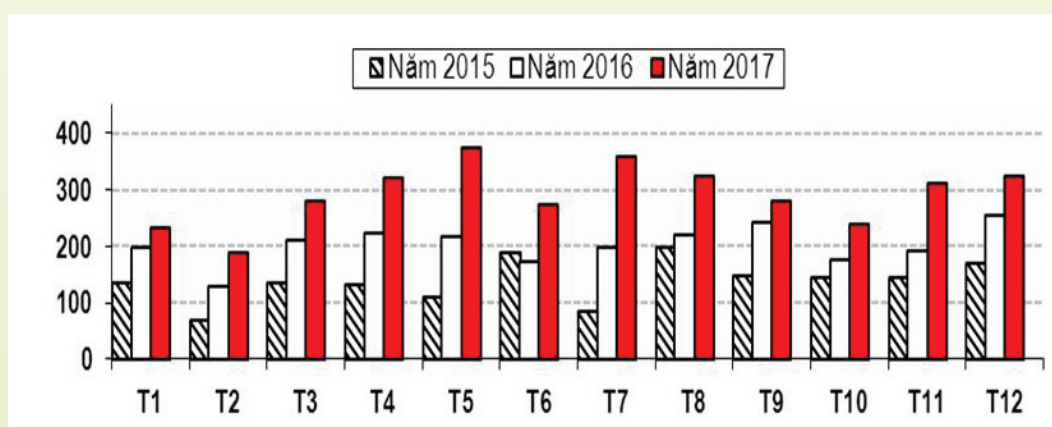
Giá rau củ cũng đang có xu hướng giảm, các loại rau củ gồm bắp cải, cà chua, hoa lơ... tại Lâm Đồng hiện đều giảm so với mức giá đầu tháng 12/2017.

3. Tình hình xuất khẩu rau hoa quả

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 12/2017, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng rau hoa quả đạt 324,4 triệu USD, tăng 3,8% so với tháng trước và tăng 59,3% so với cùng kỳ năm ngoái. Năm 2017, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng rau hoa quả đạt 3,5 tỷ USD, tăng 42,5% so với năm 2016.

Kim ngạch xuất khẩu mặt hàng rau hoa quả giai đoạn năm 2015-2017

(ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về mặt hàng: Năm 2017, mặt hàng quả và quả hạch là mặt hàng xuất khẩu chính trong cơ cấu mặt hàng rau hoa quả của Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này chiếm tới 77,9% tổng kim ngạch xuất khẩu. Trong đó, hầu hết các mặt hàng quả tươi xuất khẩu đều đạt tốc độ tăng trưởng mạnh. Ngoài mặt

THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ

hàng quả và quả hạch, Việt Nam còn xuất khẩu một số nhóm hàng khác như: Sản phẩm đã qua chế biến, nhóm rau củ, nhóm hoa, nhóm lá.

Đáng chú ý, ngoài các mặt hàng quả tươi như thanh long ruột trắng, ruột đỏ, chôm chôm, nhãn, vải đã xuất khẩu được vào thị trường Hoa Kỳ, vào cuối tháng 12/2017, với lô hàng vú sữa đầu tiên xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ, Việt Nam đã trở thành nước đầu tiên xuất khẩu vú sữa sang thị trường Hoa Kỳ. Vú sữa Việt Nam đáp ứng được các tiêu chuẩn hàng hóa theo yêu cầu của phía Hoa Kỳ, phần lớn là do những nỗ lực từ phía Việt Nam về cải thiện các tiêu chuẩn kiểm dịch thực vật. Đây cũng là thành công lớn của ngành rau hoa quả của Việt Nam. Mặt hàng Vú sữa Việt Nam cũng đã được xuất khẩu sang hàng loạt các nước châu Á, và đang kỳ vọng Hàn Quốc sẽ sớm cấp giấy phép nhập khẩu vú sữa từ Việt Nam.

Về thị trường: Mặt hàng rau hoa quả của Việt Nam xuất khẩu sang các thị trường chính đều có kim ngạch đạt tốc độ tăng trưởng cao trong năm 2017. Trong đó, dẫn đầu về kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, tiếp theo là Nhật Bản, Hoa Kỳ, Hàn Quốc...

Trong năm 2017, kim ngạch xuất khẩu rau hoa quả của Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ đạt 102 triệu USD, tăng 20,9% so với năm 2016.

Thị trường xuất khẩu rau hoa quả chính trong tháng 12 và năm 2017

(ĐVT: Kim ngạch: nghìn USD)

Thị trường	Kim ngạch năm 2017		So với kim ngạch (%)			Tỷ trọng theo kim ngạch (%)	
	Tháng 12	Năm 2017	Tháng 11/2017	Tháng 12/2016	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
Tổng	308.295	3.516.805	-1,3	22,0	43,1	100,0	100,0
Trung Quốc	244.580	2.650.557	2,5	31,2	52,4	75,4	70,8
Nhật Bản	10.515	127.206	-15,1	56,0	69,3	3,6	3,1
Mỹ	9.653	102.142	6,7	18,7	20,9	2,9	3,4
Hàn Quốc	6.418	85.620	28,7	19,3	3,6	2,4	3,4
Hà Lan	7.205	64.396	29,6	65,6	18,0	1,8	2,2
Ma-lai-xi-a	5.014	51.143	-4,7	12,0	7,0	1,5	1,9
Đài Loan	3.956	45.564	11,6	0,9	0,3	1,3	1,8
Thái Lan	3.590	36.073	25,6	-4,2	-9,9	1,0	1,6
UAE	3.549	35.570	7,6	51,3	56,3	1,0	0,9
Úc	2.123	28.910	-25,5	-1,6	11,1	0,8	1,1
Thị trường khác	11.692	289.623	-51,5	-53,4	20,9	8,2	9,7

Nguồn: Tổng cục Hải quan

THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ

4. Dung lượng thị trường và thị phần rau hoa quả Việt Nam tại Hoa Kỳ

Theo số liệu thống kê từ Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ, 11 tháng năm 2017, trị giá nhập khẩu mặt hàng rau hoa quả của Hoa Kỳ đạt 33 tỷ USD, tăng 6,3% so với cùng năm 2016.

Hoa Kỳ nhập khẩu mặt hàng rau hoa quả chủ yếu từ thị trường Mê-hi-cô trong 11 tháng năm 2017, trị giá nhập khẩu từ thị trường này chiếm tới 39,3% tổng trị giá nhập khẩu mặt hàng rau hoa quả của Hoa Kỳ. Tiếp theo là một số thị trường khác như: Ca-na-đa, Chi-lê, Trung Quốc, Goa-tê-ma-la...

Đáng chú ý, mặc dù trị giá nhập khẩu mặt hàng rau hoa quả của Hoa Kỳ từ Việt Nam chỉ chiếm có 3,7% tổng trị giá nhập khẩu, nhưng tốc độ tăng trưởng từ Việt Nam mạnh nhất so với các thị trường cung cấp chính mặt hàng rau hoa quả tới Hoa Kỳ. Điều này cho thấy, mặt hàng rau hoa quả của Việt Nam đang ngày càng đáp ứng được chất lượng của người tiêu dùng tại Hoa Kỳ.

Hoa Kỳ nhập khẩu mặt hàng rau hoa quả (gồm các mã HS 06*, 07*, 08*, 20*) từ các thị trường chính trong 11 tháng năm 2017

Thị trường	11 tháng năm 2017	So với 11 tháng 2016	Tỷ trọng 11 tháng năm 2017	Tỷ trọng 11 tháng năm 2016
	Ngìn USD	%	%	%
Tổng	33.061.635	6,3	100,0	100,0
Mê-hi-cô	12.978.534	7,6	39,3	38,8
Ca-na-đa	3.729.926	7,1	11,3	11,2
Chi-lê	1.946.240	-7,0	5,9	6,7
Trung Quốc	1.615.564	3,7	4,9	5,0
Goa-tê-ma-la	1.345.817	10,3	4,1	3,9
Pê-ru	1.273.718	19,6	3,9	3,4
Cốt-xta Ri-ca	1.226.707	3,6	3,7	3,8
Việt Nam	1.226.345	33,0	3,7	3,0
Cô-lôm-bi-a	912.984	7,8	2,8	2,7
Thị trường khác	6.805.800	1,9	20,6	21,5

Nguồn: Ủy ban Thương mại quốc tế Hoa Kỳ

Như vậy, tiềm năng xuất khẩu rau hoa quả sang thị trường Hoa Kỳ rất lớn, do nhu cầu tiêu thụ cao. Trong đó, mặt hàng trái cây tươi là mặt hàng Hoa Kỳ nhập khẩu chính, chiếm 61% tổng trị giá nhập khẩu rau quả tươi. Mặc dù xuất khẩu rau hoa quả của Việt Nam sang Hoa Kỳ tăng trưởng tốt, nhưng kim ngạch xuất khẩu sang Hoa Kỳ vẫn còn quá thấp so với nhu cầu tiêu thụ tại thị trường này. Do vậy, doanh nghiệp vẫn còn cơ hội đẩy mạnh xuất khẩu mặt hàng này sang thị trường Hoa Kỳ trong thời gian tới.

THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN

- Dự kiến giá tôm Ấc-hen-ti-na tiếp tục tăng trong tháng 1/2018 do nhu cầu tiêu dùng của châu Âu tăng.
- Rabobank dự báo xu hướng tăng trưởng nguồn cung tôm toàn cầu sẽ tiếp tục diễn ra trong năm 2018.
- In-đô-nê-xi-a đặt mục tiêu xuất khẩu 5,3 tỷ USD trong năm 2018.
- Nửa đầu tháng 1/2018, giá cá tra nguyên liệu trong nước tiếp tục tăng do nguồn cung khan hiếm, giá tôm nguyên liệu ổn định.
- EU vượt Mỹ trở thành thị trường xuất khẩu thủy sản lớn nhất của Việt Nam.

1. Thông tin thủy sản thế giới

- Ấc-hen-ti-na: Giá tôm HLSO tháng 12/2017 tăng mạnh do nhu cầu tôm nguyên liệu tăng, trong khi sản lượng khai thác không tăng. Giá tôm nguyên con đạt khoảng 6,80-6,70-6,40 USD/kg đối với tôm các cỡ lần lượt từ L1 đến L3 (L1: 10-20 con/kg; L2: 20-30 con/kg; L3: 30-40 con/kg). Giá tôm dự kiến tiếp tục tăng trong tháng 1/2018 do sau Giáng sinh nhu cầu tiêu dùng của châu Âu sẽ bắt đầu tăng.

- Rabobank dự báo xu hướng tăng trưởng nguồn cung tôm toàn cầu sẽ tiếp tục trong năm 2018. Xu hướng này diễn ra khi các dịch bệnh trong ngành tôm như dịch tôm chết sớm (EMS) và dịch vi bào tử trùng (EHP) nằm trong vòng kiểm soát, và các khu vực sản xuất tôm chính, đặc biệt là châu Á, tiếp tục mở rộng sản xuất. Ngành tôm toàn cầu năm 2017 đã tăng trưởng trở lại với động lực chính là Ấn Độ và Ê-cu-a-đo. Trong khi nguồn cung từ Trung Quốc và Thái Lan không phục hồi mạnh như kỳ vọng do bệnh EHP trên tôm lan rộng tại hai nước này với mức độ nguy hiểm tương đương, thậm chí mạnh hơn dịch EMS. Rabobank dự báo năm 2018, Ấn Độ và Ê-cu-a-đo sẽ tiếp tục là động lực tăng trưởng nguồn cung tôm, và kỳ vọng In-đô-nê-xi-a có thể gia nhập nhóm nước này, trở thành động lực tăng trưởng sản xuất tôm trên thế giới.

- Theo dự báo của Cơ quan xếp hạng ICRA Ratings, xuất khẩu tôm Ấn Độ trong năm tài khóa 2018 sẽ tăng 25 – 30%, chủ yếu do những đơn đặt hàng sẵn có hiện nay và nhu cầu tiếp tục duy trì ở mức cao tại các nước nhập khẩu lớn như Hoa Kỳ. Trong năm tài khóa 2017, giá trị xuất khẩu tôm đông lạnh của Ấn Độ tăng 25% so với năm tài khóa 2016, nhờ tăng 19% lượng xuất khẩu. Tăng trưởng nhu cầu đối với tôm đông lạnh Ấn Độ dự báo tiếp tục tăng, bất chấp tâm lý tiêu cực về những lệnh cấm nhập khẩu tôm Ấn Độ.

THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN

- Theo Bộ Thủy sản và các vấn đề biển In-đô-nê-xi-a, xuất khẩu thủy sản của nước này tính đến tháng 10/2017 đạt 3,62 tỷ USD, chỉ đạt 51% mục tiêu xuất khẩu cả năm nhưng tăng 6,38% so với cùng kỳ năm 2016. Xuất khẩu tăng chủ yếu là do tăng xuất khẩu tôm, cá ngừ, cua, mực ống và tảo biển. Các nước nhập khẩu thủy sản chính của In-đô-nê-xi-a là Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc, EU, và các nước ASEAN. In-đô-nê-xi-a đặt mục tiêu xuất khẩu thủy sản đạt 5,3 tỷ USD trong năm 2018.

2. Thị trường trong nước

Nửa đầu tháng 1/2018, giá cá tra nguyên liệu tiếp tục tăng do nguồn cung khan hiếm. Theo đó, giá cá tra mua tại hầm, quảng trên địa bàn tỉnh An Giang tuần tính đến ngày 11/01/2018 tăng 500 đ/kg so với 2 tuần trước đó và tăng từ 8.600 – 9.900 đ/kg so với cùng kỳ năm trước. Giá cá tra nguyên liệu trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp đang ở mức cao từ 28.500 - 28.700 đồng/kg (loại 700 – 750gram); loại 900gram – 1kg giá từ 29.200 – 29.500 đồng/kg; tăng khoảng 5.000 – 6.000 đồng/kg so với cùng kỳ năm ngoái.

Trong khi đó, giá một số chủng loại tôm nguyên liệu tại Cà Mau tiếp tục ổn định.

Giá cá tra nguyên liệu tại An Giang đến ngày 11/01/2018

Mặt hàng	Trọng lượng	Dạng sản phẩm	Đơn giá (đ/kg)	So với giá cuối tháng 12/2017	So với giá cùng kỳ năm trước	Xu hướng nguồn cung
Cá Tra thịt trắng	0,8-1kg/con	Tươi	30.000 - 31.500	(+) 500	(+) 8.700 - 9.900	Khan hiếm
Cá Tra thịt hồng	0,8-1kg/con	Tươi	29.500 - 29.900	(+) 500	(+)8.600	Khan hiếm

Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại tổng hợp

Giá nguyên liệu thủy sản bán buôn tại Cà Mau đến ngày 11/01/2018

Mặt hàng	Kích cỡ	Dạng sản phẩm	Đơn giá đến ngày 11/01/2018 (đ/kg)	Đơn giá cuối tháng 12/2017 (đ/kg)
Tôm sú (sống)	20 con/kg	sống sinh thái	342.000	342.000
Tôm sú (chết)	20 con/kg	Nguyên liệu	305.000	305.000
Tôm sú (sống)	30 con/kg	sống sinh thái	285.000	285.000
Tôm sú (chết)	30 con/kg	Nguyên liệu	255.000	255.000
Tôm sú (sống)	40 con/kg	sống sinh thái	227.000	227.000
Tôm sú (chết)	40 con/kg	Nguyên liệu	200.000	200.000

Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại tổng hợp

THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN

3. Tình hình xuất khẩu thủy sản

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 12/2017, kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt 740,6 triệu USD, giảm 3,6% so với tháng trước đó và tăng 13,5% so với tháng 12/2016. Tính chung cả năm 2017, kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt 8,3 tỷ USD, tăng 18% so với năm 2016. Năm 2017, cơ cấu thị trường xuất khẩu thủy sản có nhiều biến động khi xuất khẩu sang EU, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ca-na-đa tăng mạnh, xuất khẩu sang Hoa Kỳ giảm. Tình hình thị trường xuất khẩu chủ lực như sau:

Năm 2017, với tốc độ tăng trưởng cao, EU đã vượt Hoa Kỳ trở thành thị trường xuất khẩu thủy sản lớn nhất của Việt Nam. Kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang EU năm 2017 đạt 1,42 tỷ USD, tăng 22,1% so với năm 2016. Năm 2017, xuất khẩu tôm và cá ngừ sang thị trường EU tăng trưởng tốt, nhưng xuất khẩu cá tra giảm.

Hoa Kỳ trở thành thị trường xuất khẩu thủy sản lớn thứ 2 với kim ngạch đạt 1,41 tỷ USD, giảm 1,9% so với năm 2016, trong đó xuất khẩu tôm và cá tra giảm, nhưng xuất khẩu cá ngừ tăng mạnh.

Kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang Nhật Bản năm 2017 tăng 18,6% so với năm 2016, đạt 1,3 tỷ USD. Xuất khẩu tôm và cá ngừ sang Nhật Bản năm 2017 tăng trưởng khả quan.

10 thị trường xuất khẩu thủy sản lớn nhất năm 2017

Thị trường	Tháng 12/2017 (nghìn USD)	So với tháng 12/2016 (%)	Năm 2017 (nghìn USD)	So với năm 2016 (%)
EU	130.508	19,4	1.422.053	22,1
Hoa Kỳ	107.760	-1,6	1.407.000	-1,9
Nhật Bản	115.105	8,0	1.302.911	18,6
Trung Quốc	84.533	22,8	1.087.863	59,4
Hàn Quốc	75.423	23,9	778.544	28,1
Thái Lan	19.504	6,4	246.460	1,4
Ca-na-đa	18.835	41,9	222.779	21,6
Úc	20.955	11,6	185.063	-0,7
Hồng Kông	15.156	16,4	157.945	4,4
Phi-lip-pin	13.496	90,8	131.289	62,4

Nguồn: Tổng cục Hải quan

THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN

Với tốc độ tăng trưởng 59,4% so với năm 2016, năm 2017 kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang Trung Quốc đã vượt mốc 1 tỷ USD. Trong bối cảnh xuất khẩu sang Hoa Kỳ tăng trưởng chậm, Trung Quốc là thị trường thay thế tiềm năng với cơ hội cũng như dư địa tăng trưởng xuất khẩu lớn đối với thủy sản Việt Nam, đặc biệt là mặt hàng cá tra. Xuất khẩu cá tra sang Hoa Kỳ giảm do nước này áp dụng chương trình thanh tra cá da trơn từ ngày 1/8/2017. Thị trường Liên minh châu Âu (EU) không ổn định với cá tra do tác động của truyền thông từ đầu năm. Tuy nhiên, các doanh nghiệp cũng cần tránh phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc.

Dự báo, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam năm 2018 sẽ vượt 9 tỷ USD, tăng 7,7% so với năm 2017. Các rào cản về chất lượng, truy xuất nguồn gốc của sản phẩm tại những thị trường lớn, các FTA song phương và đa phương sẽ tiếp tục là những yếu tố làm thay đổi cơ cấu thị trường xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trong năm 2018.

THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

- Giá gỗ trên thị trường thế giới tăng.
- Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang hầu hết các thị trường lớn đều tăng so với năm 2016.

1. Thị trường gỗ thế giới

- Hoa Kỳ: Giá gỗ tiếp tục tăng lên mức kỷ lục, đạt mức cao nhất trong vòng 10 năm trở lại đây. Giá gỗ Mill Douglas-fir #2 tháng 12/2017 đã lập mức kỷ lục mới, cao nhất kể từ năm 2005, ở mức 810 USD/m³. Giá gỗ đang tăng lên hàng tháng. Mặc dù đây không phải là một xu hướng tốt, nhưng giá gỗ có khả năng sẽ tiếp tục tăng trong tháng 1/2018.

- Trung Quốc: Chỉ số giá gỗ năm 2017 có xu hướng tăng do ảnh hưởng bởi: (i) kế hoạch cải cách môi trường của Chính phủ nước này, (ii) giá nguyên liệu tăng, (iii) chi phí nhân công tăng. Xu hướng này được dự báo sẽ tiếp tục diễn ra trong năm 2018 do:

+ Việc cải cách môi trường sẽ tiếp tục có tác động lớn đến giá gỗ.

+ Thị trường nhà cho thuê của Trung Quốc phát triển nhanh chóng và nhu cầu đồ nội thất mới sẽ tăng. Cho đến nay, 48 thành phố của Trung Quốc đã đưa ra các chính sách riêng để thúc đẩy sự phát triển của thị trường nhà cho thuê.

+ Từ ngày 1/5/2018, tiêu chuẩn mới đối với ván ép sẽ có hiệu lực, vấn đề tồn dư formaldehyde trên đồ nội thất từ gỗ dán sẽ được giải quyết. Nhu cầu đồ nội thất từ gỗ dán sẽ tăng trở lại, hỗ trợ công nghiệp ván ép của Trung Quốc.

+ Các chính sách cấm xuất khẩu gỗ ảnh hưởng đến nguồn cung: Nga đã đưa ra yêu cầu hạn chế xuất khẩu gỗ dương. Ngoài ra, Bộ Công nghiệp và Thương mại Nga đã thực hiện hệ thống hạn ngạch cho gỗ chưa chế biến xuất khẩu từ Nga và sửa đổi mức thuế xuất khẩu. Đồng thời, chính phủ Ma-lai-xi-a đã cấm xuất khẩu cây cao su. Việc cấm khai thác gỗ và cấm xuất khẩu gỗ ở nhiều nơi đã được thực hiện.

2. Tình hình xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 12/2017 kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt 756,4 triệu USD, tăng 8,8% so với tháng trước đó, tăng 1,3% so với tháng 12/2016. Năm 2017, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt 7,66 tỷ USD, tăng 10% so với năm 2016.

THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

Trong đó, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ tháng 12/2017 đạt 559,5 triệu USD, tăng 5,8% so với tháng 11/2017 và tăng 0,7% so với tháng 12/2016. Tính chung cả năm 2017, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ đạt 5,7 tỷ USD, tăng 11,4% so với năm 2016.

Cơ cấu thị trường xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ không có nhiều biến động khi xuất khẩu sang hầu hết các thị trường lớn đều tăng so với năm 2016, trừ xuất khẩu sang Đài Loan. Tình hình xuất khẩu sang một số thị trường lớn như sau:

Hoa Kỳ tiếp tục là thị trường xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ lớn nhất với kim ngạch đạt 3,26 tỷ USD trong năm 2017, tăng 15,7% so với năm 2016; Xuất khẩu sang Trung Quốc tăng 5%, đạt 1,07 tỷ USD.

Năm 2017, trong khi xuất khẩu sang Trung Quốc, Nhật Bản và EU tăng trưởng chậm lại, thì xuất khẩu sang Hàn Quốc, Ca-na-đa, Ma-lai-xi-a và Ấn Độ lại tăng mạnh.

10 thị trường xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ lớn nhất của Việt Nam năm 2017

Thị trường	Tháng 12/2017	So với tháng 12/2016 (%)	Năm 2017	So với năm 2016 (%)
Hoa Kỳ	310.804	0,3	3.267.168	15,7
Trung Quốc	106.066	-9,1	1.070.354	5,0
Nhật Bản	93.326	-2,7	1.022.702	4,4
EU	88.905	4,9	722.061	2,4
Hàn Quốc	69.239	22,3	665.239	15,9
Úc	15.798	1,2	169.291	0,1
Ca-na-đa	15.363	12,8	158.910	15,2
Ma-lai-xi-a	6.465	21,6	54.878	21,5
Đài Loan	6.111	-8,7	60.663	-8,5
Ấn Độ	5.628	55,3	60.222	18,3

Nguồn: Tổng cục Hải quan

3. Dung lượng thị trường và thị phần đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Ấn Độ

Số lượng người tiêu dùng Ấn Độ muốn mua đồ nội thất với thiết kế hiện đại ngày càng tăng, vì vậy hàng nhập khẩu đang có xu hướng chiếm lĩnh thị trường đồ nội thất tại Ấn Độ. Xu hướng tiêu dùng sản phẩm nội thất nhập khẩu có thương hiệu tăng từ đại đa số người dân sống ở thành thị, thuộc tầng lớp trung lưu và thượng lưu tại Ấn Độ. Nếu duy trì tốc độ nhập khẩu như hiện tại, ước tính năm tài chính 2016-2017 kim ngạch nhập khẩu đồ nội thất của Ấn Độ đạt 1,8 tỷ USD, tăng 21% so với năm trước. Theo Trademap, 9 tháng năm 2017, kim

THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

ngạch nhập khẩu đồ nội thất của Ấn Độ đạt 1,3 tỷ USD, trong đó kim ngạch nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của nước này đạt 273 triệu USD. Trong đó, thị phần đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam chỉ chiếm 0,2%. Dự báo, thị trường đồ nội thất gia đình tại Ấn Độ sẽ đạt hơn 2,7 tỷ USD vào năm 2022, tăng 50% so với năm 2017.

Nhập khẩu đồ nội thất gỗ của Ấn Độ 9 tháng năm 2017

STT	Nguồn cung	9 tháng 2017 (nghìn USD)	Tỷ trọng (%)
	Tổng	273.071	100
1	Trung Quốc	156.462	57,3
2	Ma-lai-xi-a	36.670	13,4
3	Ý	27.732	10,2
4	Xri-lan-ca	13.030	4,8
5	Đức	10.764	3,9
6	In-đô-nê-xi-a	4.403	1,6
7	Anh	4.089	1,5
8	Hoa Kỳ	3.191	1,2
9	Ả-rập thống nhất	2.543	0,9
10	Tây Ban Nha	1.566	0,6
11	Xin-ga-po	1.466	0,5
12	Thổ Nhĩ Kỳ	1.421	0,5
13	Thái Lan	1.126	0,4
14	Hồng Kông	1.114	0,4
15	Xi-lô-vê-ni-a	1.012	0,4
16	Bra-xin	745	0,3
17	Hàn Quốc	564	0,2
18	Hà Lan	540	0,2
19	Việt Nam	454	0,2
20	Thụy Điển	449	0,2

Nguồn: trademap

THƯƠNG MẠI NÔNG, LÂM SẢN, THỦY SẢN TẠI CỬA KHẨU MÓNG CÁI

- + **Xuất khẩu cao su thiên nhiên sang Trung Quốc tăng 13% so với tuần trước.**
- + **Xuất khẩu các sản phẩm thủy, hải sản sang Trung Quốc tăng nhẹ.**

Xuất khẩu cao su thiên nhiên sang thị trường Trung Quốc trong giai đoạn đầu năm 2018 có tín hiệu khả quan. Trung Quốc đang đẩy mạnh nhập khẩu nguồn nguyên liệu để dự trữ trước thời điểm cây cao su bước vào giai đoạn thay lá cho năng suất thấp từ tháng 2 đến tháng 5/2018. Tuần từ 04/1 đến 11/1/2018, sản lượng cao su thiên nhiên xuất khẩu sang Trung Quốc qua cửa khẩu Móng Cái đạt khoảng hơn 18.000 tấn, tăng 13%. Giá bình quân các chủng loại sản phẩm chế biến từ mủ cao su nguyên khai đạt gần 14.000 NDT/tấn. Các loại chất lượng cao và là thương hiệu uy tín có giá cao hơn mức bình quân gần 18%.

Tuần từ ngày 04/1 đến 11/1/2018, xuất khẩu thủy, hải sản sang Trung Quốc qua cửa khẩu Móng Cái đã tăng đáng kể đối với các mặt hàng cá biển, nâng sản lượng chung lên mức 11.600 tấn (trong đó có 4.700 tấn thủy, hải sản gồm: tôm, cá, loài giáp xác (cua, ghẹ) và nhuyễn thể hai mảnh vỏ nuôi ở môi trường nước ngọt, nước lợ thuộc các vùng bãi bồi cửa sông, hồ, đầm. Trong số các sản phẩm tham gia xuất khẩu tuần này có 72% là sản phẩm cấp đông chất lượng cao. Cá mú và tôm hoa được bảo quản sống nguyên dạng, sản lượng đạt 320 tấn, giá tăng 8% so với cuối năm 2017. Ba chủng loại sản phẩm khô được người tiêu dùng Trung Quốc ưa chuộng là hải sâm, bạch tuộc, cá cơm. Theo dự báo, trong nửa cuối tháng 1/2018, sản lượng các sản phẩm thủy, hải sản xuất khẩu sang Trung Quốc sẽ tăng lên 12.000 tấn/tuần, tăng thêm 400 tấn so với hiện nay. Giá xuất khẩu các loại cá biển đặc sản có giá trị dinh dưỡng cao tăng trung bình tới 10%.



THÔNG TIN CHUYÊN ĐỀ

Những thay đổi về điều kiện nhập khẩu đối với mặt hàng dừa tươi và cơm dừa vào thị trường Úc

Bộ Nông nghiệp Úc đã thông báo những thay đổi về điều kiện nhập khẩu đối với mặt hàng dừa tươi và cơm dừa kể từ ngày 11 tháng 12 năm 2017.

Các điều kiện nhập khẩu thay đổi gồm có:

- Xóa bỏ các yêu cầu về khai báo bổ sung đối với mặt hàng dừa non nhập khẩu từ Phi-lip-pin.
- Yêu cầu khử trùng đối với dừa còn nguyên vỏ: Những quả dừa chín từ tất cả các nước phải được loại bỏ vỏ trước khi chuyển hàng; hoặc phải được khử trùng bằng hóa chất methyl bromide (với tỷ lệ 32g/m³ trong 24 giờ ở 21oC tại áp suất bình thường) trước khi vận chuyển hoặc khi cập cảng.

Lưu ý: Chuối hạt cầu nguyên làm từ dừa và dừa non vẫn được miễn trừ bắt buộc khử trùng, tuy nhiên nếu phát hiện thấy sâu bệnh khi kiểm tra tại cảng đến thì sẽ bị bắt buộc khử trùng.

- Những thay đổi về thủ tục lấy mẫu để kiểm tra khi hàng đến Úc đối với dừa chín và cơm dừa: Lô hàng dừa chín sẽ bị mở ra và lấy 600 quả bất kỳ để kiểm tra. Việc thay đổi này nhằm đảm bảo các rủi ro về an toàn sinh học được quản lý một cách hợp lý và gắn kết được quá trình lấy mẫu và kiểm tra mặt hàng dừa với các mặt hàng tươi nhập khẩu khác. Các sản phẩm cơm dừa tươi sẽ bị lấy mẫu theo tỷ lệ tương tự như tỷ lệ lấy mẫu đối với các loại trái cây sơ chế khác (ví dụ: kiểm tra 600 đơn vị đối với lô hàng lớn hơn 1000 đơn vị).

- Thay đổi đối với các trường hợp của BICON: Các trường hợp đối với điều kiện nhập khẩu dừa tươi của từng quốc gia sẽ được gộp thành một trường hợp duy nhất cho tất cả các nước. Tất cả các điều kiện nhập khẩu khác trong hệ thống BICON sẽ tiếp tục được áp dụng, bao gồm cả các yêu cầu kiểm tra tất cả các lô hàng khi đến Úc.

Lưu ý: Thông tin sử dụng trong bản tin được thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Thông tin trong bản tin chỉ mang tính tham khảo, các ước tính, dự báo có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi bởi những biến động thị trường.

Rất mong nhận được sự phản hồi, trao đổi thông tin và đóng góp ý kiến của độc giả để Bản tin ngày càng chất lượng hơn.

BẢN TIN NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

Đơn vị xây dựng nội dung: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại - Bộ Công Thương.

Đơn vị phối hợp: Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương

Mọi thông tin phản hồi xin liên hệ: Tel: (024) 22192875 - (024) 22202311